

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 124/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 17-4-2019

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lương Văn Cầu
- Bà Trần Việt Hồng Phượng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 221/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 7 năm 2018 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Đỗ Thị Xuân T**, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số nhà X, tổ Y, ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* **Nguyễn Phong P (Q)**, sinh năm: 1986; Địa chỉ: Số nhà A, tổ Z, ấp B, xã V, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 12-6-2018, quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đỗ Thị Xuân T trình bày:**

- Về hôn nhân: Chị và anh P kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang vào ngày 31-12-2009. Vợ chồng anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì chị phát hiện anh P có người phụ nữ khác, nên chị và anh P thường xuyên cự cãi và có lần đánh nhau. Khoảng tháng 12/2017, chị T đã về nhà cha mẹ ruột sinh sống, anh P thời gian đầu không gặp chị, sau khi nghe chị yêu cầu ly hôn thì có đến năn nỉ chị, nhưng chị nhận thấy không

còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn.

- **Về con chung:** có 02 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2012. Hiện nay hai cháu đang sống với anh P, anh P có yêu cầu được tiếp tục nuôi hai con, chị đồng ý do chị chuẩn bị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Chị không cấp dưỡng nuôi con, tuy nhiên khi chị có điều kiện sẽ lo cho các con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có.

* **Bị đơn anh Nguyễn Phong P trình bày:**

- **Về hôn nhân:** Anh và chị T kết hôn vào năm 2008, có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới nhau anh chị sống hạnh phúc. Chị T cho rằng anh có người phụ nữ khác là hiểu lầm, người phụ nữ chị T chỉ thấy ảnh anh chụp chung trong điện thoại là bạn khi anh đang xuất khẩu lao động ở Đài Loan, khi bạn bè liên lạc thì chị T hiểu lầm và thường gây gổ với anh. Anh chị ly thân từ tháng 12/2017 do T tự ý bỏ về nhà cha mẹ ruột, trong thời gian ly thân anh có đến nhà cha mẹ vợ năn nỉ chị T quay về chung sống nhưng chị T có thái độ lạnh nhạt với anh. Hiện nay anh vẫn còn thương vợ con, muốn các con có đầy đủ cha mẹ nên không đồng ý ly hôn.

- **Về con chung:** có 02 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2012. Nếu phải ly hôn anh yêu cầu nuôi hai con và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không có.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn không đồng ý ly hôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ *Về chấp hành pháp luật:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Xuân T, giao hai con chung cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Chị Xuân T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Châu Thành giải quyết về ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; anh P hiện đang sinh sống và có đăng ký hộ khẩu tại ấp B, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị T và anh P có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số I ngày 31-12-2009. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhằm tạo điều kiện cho chị T và anh P được đoàn tụ nhưng không thành. Hội đồng xét xử nhận thấy, hôn nhân phải được xây dựng trên tình cảm nhưng chị T cương quyết ly hôn do không còn tình cảm với anh P, anh P không đồng ý ly hôn nhưng từ khi ly thân đến nay, anh chị không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Xuân T.

2.2 Về con chung: Chị T và anh P có 02 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2012. Cháu K có nguyện vọng được sống với mẹ. Tuy nhiên hai cháu hiện đang sống ổn định với anh P, để không làm xáo trộn cuộc sống của các cháu và chị T cũng trình bày hiện nay không có điều kiện trực tiếp nuôi con do chị chuẩn bị đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan và anh P cũng đồng ý nuôi hai con. Do đó căn cứ vào quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh P không yêu cầu nên chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh P và gia đình phải tạo điều kiện cho chị T trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh P đều thống nhất trình bày không tranh chấp nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng Dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a

khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Xuân T.

- Về hôn nhân: Chị Đỗ Thị Xuân T được ly hôn với anh Nguyễn Phong P. Giấy chứng nhận kết hôn số 188, quyển số I ngày 31-12-2009 của Ủy ban nhân dân xã V, huyện C, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Anh Nguyễn Phong P được tiếp tục nuôi 02 con chung tên Nguyễn Gia K, sinh ngày 11/3/2009 và Nguyễn Thị Ngọc N, sinh ngày 14/7/2012.

Chị Đỗ Thị Xuân T không phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh P không có yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

2. Về án phí sơ thẩm: Chị Đỗ Thị Xuân T phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003587 ngày 20-7-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17-4-2019).

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Ngọc Giao